

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....iv

DANH MỤC HÌNH.....v

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮTvi

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ..... 1

1. Tên chủ cơ sở 1

2. Tên cơ sở:.....2

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở3

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở3

3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở.....3

3.3 Sản phẩm của cơ sở.....5

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở5

4.1 Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở5

4.2 Nhu cầu sử dụng điện6

4.3. Nhu cầu sử dụng nước 6

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 7

5.1 Nhu cầu lao động7

5.2 Nhu cầu máy móc, thiết bị7

CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG8

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 8

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường8

CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 9

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải9

1.1 Thu gom, thoát nước mưa..... 9

1.2 Thu gom, thoát nước thải..... 9

1.2.1 Công trình thu gom nước thải 9

1.2.2 Công trình thoát nước thải:	10
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, vận chuyển	15
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	15
3.1. Chất thải sinh hoạt	16
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	16
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	17
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	18
6.1 Ứng phó sự cố cháy nổ	18
6.2 Kiểm soát các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước	19
6.3 Kiểm soát sự cố hư hỏng bể tự hoại	20
6.4 An toàn lao động.....	20
6.5 An toàn lao động.....	20
6.6. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:.....	21
6.6.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại nhà xưởng.....	21
6.6.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại nhà xưởng.....	22
7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	22
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	23
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	23
1.1 Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn.....	23
1.2 Lưu lượng xả nước thải tối đa:.....	23
1.3 Dòng nước thải: 01 dòng nước thải.	23
2. Nguồn tiếp nhận nước thải:.....	24
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	24
2.1 Vị trí xả khí thải	24
2.2 Lưu lượng xả khí tối đa.....	24
2.3 Dòng khí thải.....	24
2.4. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:	24

2.4.1. Phương thức xả khí thải	24
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	24
5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải	25
5.1 Khối lượng chủng loại chất thải phát sinh	25
5.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	26
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	27
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	27
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	28
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	28
2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	28
2.1.1 Quan trắc chất lượng nước thải.....	29
2.1.2 Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường.....	29
2.1.3. Giám sát chất thải nguy hại.....	29
2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	29
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	30
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	31

DANH MỤC BẢNG

Bảng I. 1 Các hạng mục công trình của cơ sở	5
Bảng I. 2 Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất sử dụng của cơ sở	6
Bảng I. 3 Nhu cầu sử dụng nước cho cơ sở	6
Bảng III. 1 Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh	17
Bảng IV. 1 Các chất ô nhiễm trong nước thải và giá trị giới hạn của nước thải	23
Bảng V. 1 Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022	27
Bảng VI. 1 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	29

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Vị trí hoạt động của cơ sở.....2
Hình 2: Quy trình sản xuất.....4
Hình 3: Bể tự hoại 03 ngăn có lắng lọc của cơ sở 10
Hình 4: Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở 11
Hình 5: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ..... 19

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hóa ở 20 ⁰ C trong 5 ngày
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
NĐ-CP	: Nghị định chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	: Thông tư
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy Ban Nhân dân

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600664791, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/12/2019.

Công ty TNHH Thực phẩm Anh Long đã được UBND huyện Long Thành chấp nhận chủ trương và thỏa thuận địa điểm tại Văn bản số 4574/UBND-KT ngày 10/10/2012.

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long đã thành lập Dự án “Xưởng đóng gói cá khô xuất khẩu, công suất 300 tấn sản phẩm/năm” được Ủy ban nhân dân huyện Long Thành xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường đơn giản số 519/UBND-KT ngày 22/11/2012.

Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Cơ sở “Xưởng đóng gói cá khô suất khẩu, công suất 300 tấn sản phẩm/năm” thuộc khoản 4, Điều 41, thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp huyện, báo cáo được thực hiện theo mẫu tại phụ lục II thuộc phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 – Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III.

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nhằm báo cáo tình hình thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc môi trường của cơ sở.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thẩm định, giám sát và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở. Đồng thời, còn là cơ sở khoa học để Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long triển khai các giải pháp hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình hoạt động.

1. Tên chủ cơ sở

- Tên cơ sở: Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long.
- Địa chỉ văn phòng: Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Địa chỉ thực hiện dự án: Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện pháp luật: Lữ Chí Thành.
- Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Điện thoại: 0251.3511540 Fax: 0251.3512548

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3600664791 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/12/2019.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: “Xưởng đóng gói cá khô xuất khẩu, công suất 300 tấn sản phẩm/năm”
- Địa điểm cơ sở: ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long được xây dựng với diện tích 4.358 m², tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 34, ấp 7 xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, vị trí được mô tả như sau:
 - Phía Bắc: Giáp đất trồng cây lâu năm.
 - Phía Nam: Giáp đường nhựa.
 - Phía Đông: Giáp nhà dân.
 - Phía Tây: Giáp đường bê tông.



Hình 1: Vị trí hoạt động của cơ sở

📌 Cơ sở pháp lý của Công ty:

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 3600664791 đăng ký lần đầu ngày 27/9/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/12/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- + Giấy chứng nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Xưởng đóng gói cá khô xuất khẩu, công suất 300 tấn sản phẩm/năm số 5419/UBND-KT ngày 22/12/2012 của UBND huyện Long Thành.
- + Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại số 168/SĐK-CCBVMT ngày 20/6/2014 của Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.
- + Văn bản số 4574/UBND-KT ngày 10/10/2012 của UBND huyện Long Thành về việc thoả thuận địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng Xưởng đóng gói cá khô xuất khẩu tại xã An Phước, huyện Long Thành.
- + Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

+ Hợp đồng cung cấp dịch vụ về việc vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.

🚧 Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án với tổng vốn đầu tư VNĐ 9.900.000.000 (Chín tỷ chín trăm triệu đồng) thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại khoản 3 điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 thông qua ngày 13/06/2019 thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C.

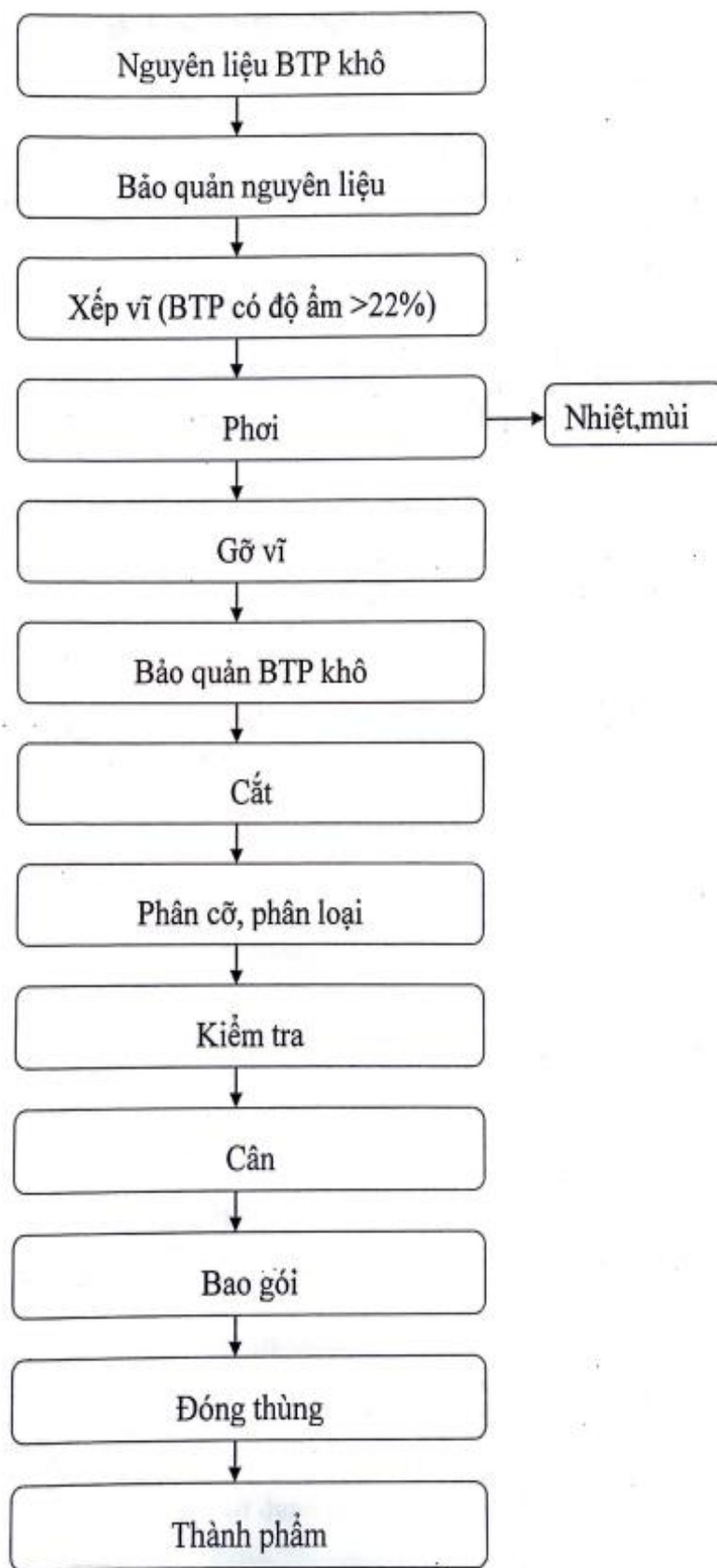
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long hoạt động đóng gói cá khô xuất khẩu với công suất 300 tấn sản phẩm/năm.

3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình công nghệ sản xuất được trình bày ở hình sau:



Hình 2: Quy trình sản xuất

- Quy trình công nghệ:

+ Nguyên liệu đầu vào sẽ được xử lý sơ bộ rồi xếp lên vi để xử lý nhiệt, lúc này nguyên liệu đã khô sẽ gỡ ra khỏi vi phơi.

+ Nguyên liệu tiếp tục bảo quản khô, rồi mang ra cắt, phân loại theo kích cỡ, tiếp theo là đóng gói và đem đi cân, đóng thùng thành phẩm để xuất khẩu.

3.3 Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của hoạt động sản xuất tại Cơ sở là cá khô đã được đóng gói hoàn thiện 300 tấn sản phẩm/năm.

Với quy mô diện tích đất là 2.500 m², các hạng mục công trình được trình bày trong bảng sau:

Bảng I. 1 Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
I	Công trình chính	1990,1
-	Nhà xưởng số 1	971,1
-	Nhà xưởng số 2	899
II	Công trình bảo vệ môi trường	93
-	Hệ thống xử lý nước thải	55
-	Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	19
-	Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	19
III	Cây xanh	400
IV	Sân bãi, đường nội bộ	1.995
Tổng cộng		4.358

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1 Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở

Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng cho hoạt động sản xuất và xử lý môi trường được trình bày trong bản sau:

Bảng I. 2 Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất sử dụng của cơ sở

TT	Loại nguyên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng/ năm
1	Cá khô	Tấn	2.500
2	Cồn thơm	lít	5.000
3	Chlorine	kg	60

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long).

4.2 Nhu cầu sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện chủ yếu là phục vụ cho quá trình thắp sáng và vận hành các máy móc, thiết bị trong hoạt động sản xuất của cơ sở. Lượng điện tiêu thụ khoảng 40.000 kWh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho Cơ sở được sử dụng từ mạng lưới của Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Điện lực Long Thành.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nước được cấp từ 02 giếng khoan của Cơ sở, nước cấp cho Cơ sở được sử dụng chủ yếu cho các mục đích sau:

Bảng I. 3 Nhu cầu sử dụng nước cho cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)
I	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân	5,4
II	Nước vệ sinh dụng cụ	0,5
III	Nước tưới cây	1,2
IV	Nước tưới phòng cháy chữa cháy	0,2
Tổng cộng		7,4

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long).

Nhu cầu sử dụng nước được tính toán dựa trên các cơ sở sau:

❖ Nước cấp cho sinh hoạt: Ước tính lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt khoảng 5,4 m³/ngày, được tính toán dựa trên cơ sở sau:

- Tiêu chuẩn cấp nước cho công nhân: 45 lít/người/ca.
- Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở là: 120 người.

➔ $Q_{sh} = 45 \text{ lít/người/ca} \times 120 \text{ người} = 5.400 \text{ lít/ngày} = 5,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ Nước cấp cho sản xuất: Khoảng 0,5 m³/ngày.đem phục vụ công đoạn rửa các thiết bị, dụng cụ.

❖ Nước cấp tưới cây:

- Định mức cấp nước: 3 lít/m² (QCVN 01:2021/BXD).

- Diện tích cây xanh khoảng 400 m².

→ $Q = V \times M = 3 \text{ lít/m}^2 \times 400 \text{ m}^2 = 1.200 \text{ lít/ngày} = 1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ Nước cấp phòng cháy chữa cháy:

Cơ sở còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy khoảng 216 m³, được tính cho một đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng 20 lít/giây/đám mây.

→ $W_{cc} = 20 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 216 \text{ m}^3$.

Tuy nhiên, lượng nước phục vụ cho hoạt động chữa cháy được lưu trữ ở bể nước ngầm, không mang tính mang tính chất sử dụng nước thường xuyên, chỉ định kỳ cấp nước cấp nước bổ sung để bù lượng nước hao hụt do bay hơi. Ước tính lượng nước cấp bổ sung cho PCCC khoảng 0,2 m³/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1 Nhu cầu lao động

Số lượng lao động được phân bố tại Cơ sở khoảng 120 người.

Chế độ làm việc của Công ty là 8 giờ/ngày, 1 ca/ngày và 6 ngày/tuần, số ngày làm việc trong tháng 26 ngày/tháng. Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày Lễ, nghỉ Tết theo quy định của Nhà nước.

5.2 Nhu cầu máy móc, thiết bị

Các máy móc, thiết bị chủ yếu nhập từ Việt Nam, với công nghệ hiện đại, mức độ tự động hóa cao, điện năng hao phí thấp, máy móc, thiết bị được nhập về đảm bảo an toàn kỹ thuật.

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng I. 4 Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên máy móc	Đơn vị	Số lượng
1	Máy ép bao	Cái	10
2	Máy đóng date	Cái	2
3	Máy nén kho lạnh	Cái	5
4	Máy cán xé	Cái	1
5	Máy dò kim loại	Cái	2
6	Máy đo độ ẩm	Cái	2

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long).

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ theo Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 8938/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Phước, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030, vị trí hoạt động của cơ sở có quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng là đất sản xuất phi nông nghiệp. Do đó, cơ sở “Xưởng đóng gói cá khô xuất khẩu công suất 300 tấn sản phẩm/năm” phù hợp với quy hoạch phát triển chung của huyện Long Thành nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung, phù hợp với định hướng thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng có lợi cho các ngành kinh tế thân thiện với môi trường, hạn chế phát triển các nhóm ngành có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; từng bước xây dựng hạ tầng, môi trường pháp lý thuận lợi cho nền kinh tế xanh.

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được trình bày ở các phần sau đây của báo cáo được thực hiện nhằm mục đích ngăn chặn, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, phù hợp các quy định hiện hành và chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia của khu vực và tỉnh trong thời gian tới.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015.

Nước thải phát sinh hoạt với lưu lượng ít, khoảng 5,4 m³/ngày.đêm, được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, định kỳ bơm hút khi đầy.

Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày.đêm, chủ yếu từ hoạt động rửa thiết bị, dụng cụ vào cuối ca, diễn ra không thường xuyên.

Khí thải phát sinh tại cơ sở một phần do lượng xe máy, xe tải ra vào cơ sở. Tuy nhiên, phương tiện xe máy vào đến cơ sở đều được yêu cầu tắt máy, khu vực kinh doanh của Cơ sở thông thoáng nên không ảnh hưởng do hoạt động giao thông vận tải của cơ sở có thể đánh giá là không đáng kể, và trong khu vực cơ sở là đã được bê tông hóa nên bụi phát sinh trong quá trình hoạt động là rất ít. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ máy phát điện dự phòng hoạt động không thường xuyên.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Bản thân nước mưa không làm ô nhiễm môi trường, tuy nhiên trong quá trình chảy tràn có thể cuốn theo các chất bẩn, đất, cát, cành kho và các tạp chất rơi vãi trên bề mặt trong khu vực Cơ sở gây ô nhiễm nguồn nước này. Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long đã xây dựng hệ thống mương thu gom nước mưa được thiết kế xung quanh khu vực nhà xưởng, văn phòng của Công ty. Nước mưa từ mái nhà theo đường ống dẫn vào các đường mương có tấm đan đậy kín cũng như các hố thu gom.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế thu gom triệt để. Hệ thống thu gom nước mưa gồm có 02 hệ thống, hệ thống thu gom nước mưa từ mái nhà và hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt địa hình.

Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng tuyến ống đứng thông qua các cầu thu nước mưa có gấn song chắn rác bằng inox để tách rác có kích thước lớn.

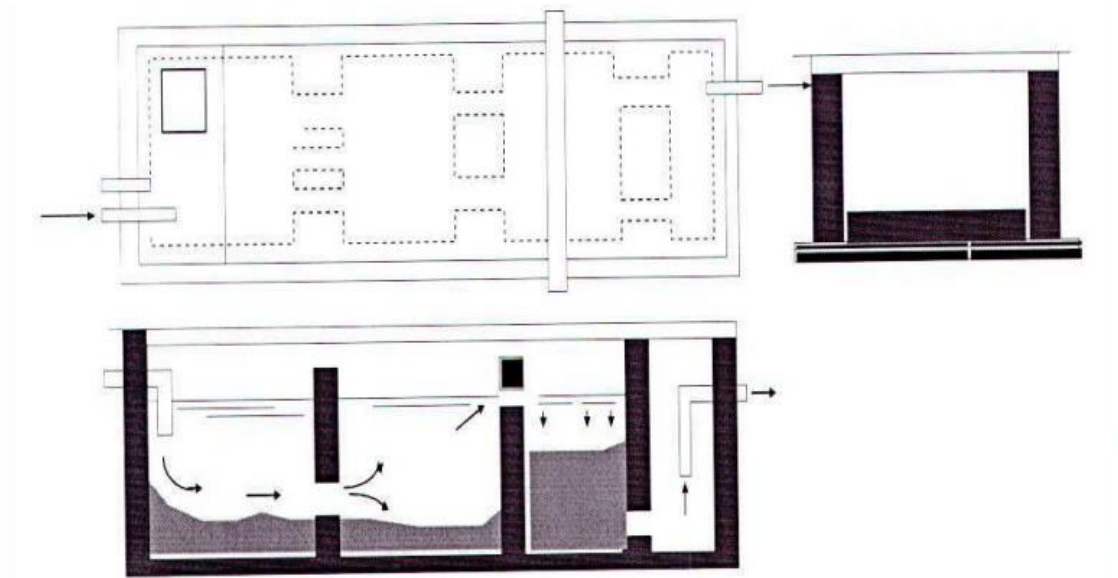
Nước mưa từ các tuyến ống đứng thoát xuống hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn và thoát ra hệ thống cống thu gom. Dọc theo hệ thống thoát nước mưa có bố trí các hố ga có song chắn rác. Định kỳ thu gom rác tại các song chắn rác và nạo vét bùn đất trong các hố ga để việc thoát nước mưa được dễ dàng. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ chảy vào mương hiện hữu tại khu vực, chảy ra suối Nước Trong.

1.2 Thu gom, thoát nước thải

1.2.1 Công trình thu gom nước thải

Sơ đồ thu gom nước thải của Cơ sở được trình bày như sau:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân và từ công đoạn rửa dụng cụ, thiết bị vào cuối ca với lưu lượng khoảng 13,33 m³/ngày.đêm sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó tiếp tục được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.



Hình 3: Bể tự hoại 03 ngăn có lắng lọc của cơ sở

1.2.2 Công trình thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý sẽ được thu gom qua mương thoát nước hiện hữu, chảy ra nguồn tiếp nhận suối Nước Trong và cuối cùng chảy ra sông Đồng Nai.

3.2. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở

- Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua bể tự hoại 03 ngăn.
- Nước thải sản xuất được thu gom qua hố lắng sau đó chảy ra mương hiện hữu. Hiện tại do lượng nước thải rất ít, phát sinh không thường xuyên nên Công ty chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý sẽ được dẫn vào hệ thống mương thoát nước hiện hữu, chảy ra nguồn tiếp nhận suối Nước Trong và cuối cùng chảy ra sông Đồng Nai.

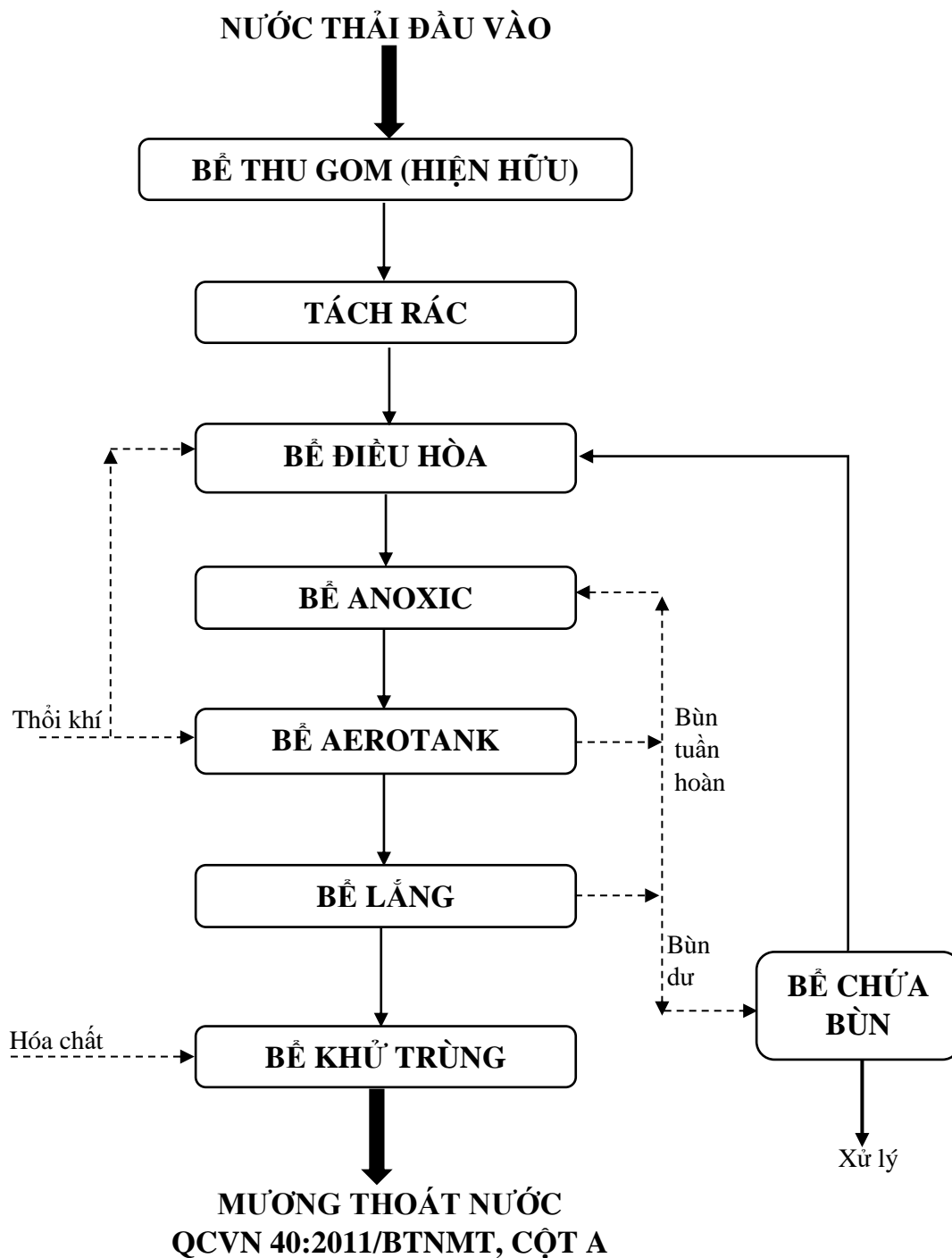
Vi trí xả nước thải: Tại ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3 Xử lý nước thải

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,6$, $K_f = 1,2$, sơ đồ công nghệ cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn) và nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (đảm bảo đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, với hệ số $K_q = 0,6$, $K_f = 1,2$). Nước thải sau xử lý sẽ được thu gom qua mương thoát nước hiện hữu, sau đó chảy ra suối Nước Trong, sau đó chảy ra sông Đồng Nai.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải được trình bày trong hình sau:



Hình 4: Hệ thống xử lý nước thải của sơ sở

Nguyên lý hoạt động:

Nước thải của Công ty được dẫn vào bể thu gom rồi bơm lên bể điều hòa nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải. Nước thải từ bể điều hòa được bơm qua bể anoxic, chảy tràn qua bể aerotank, rồi tiếp tục chảy qua bể lắng 2, sau đó được khử trùng trước khi xả ra

nguồn tiếp nhận.

Nước thải được dẫn về bể thu gom. Bể thu gom là công trình chuyển tiếp giữa điểm phát sinh nước thải và trạm xử lý. Bể thu gom có nhiệm vụ tiếp nhận, trung chuyển và tận dụng được cao trình của các công trình đơn vị phía sau. Nước thải từ bể thu gom được bơm nước thải bơm vào bể điều hòa.

Nhiệm vụ: Để loại bỏ tất cả các loại rác thô có trong nước thải có thể gây nghẽn đường ống, làm hư hại máy bơm và làm giảm hiệu quả xử lý của giai đoạn sau. Vì vậy cần thiết phải bố trí thiết bị tách rác thô nhằm loại bỏ rác thô có kích thước lớn có trong nước thải.

Bể điều hòa là nơi tập trung các nguồn nước thải thành một nguồn duy nhất và đồng thời để chứa cho hệ thống hoạt động liên tục.

Do tính chất của nước thải dao động theo thời gian trong ngày, (phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như: nguồn thải và thời gian thải nước). Vì vậy, bể điều hòa là công trình đơn vị không thể thiếu trong bất kỳ một trạm xử lý nước thải nào.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Đồng thời tại bể điều hòa kết hợp lọc sinh học thiếu khí có bổ sung một lượng lớn vật liệu đệm để làm môi trường cho vi sinh thiếu khí dính bám và xử lý nước thải. Các vi sinh thiếu khí sử dụng hàm lượng nitơ có trong nước thải làm thức ăn để sinh trưởng và phát triển. Nhờ sự có mặt của các vi sinh thiếu khí sẽ làm giảm đi một lượng lớn hàm lượng nitơ có trong nước thải. Nước thải sau bể điều hòa được bơm qua bể Sinh học thiếu khí Anoxic.

Nước thải từ bể điều hòa và nước thải tuần hoàn sau bể sinh học hiếu khí Aerotank được bơm nước thải bơm qua bể sinh học thiếu khí Anoxic theo hướng từ dưới lên. Bể sinh học này có có nhiệm vụ khử Nitơ. Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng do tác động của dòng chảy và dạng dính bám trên vật liệu. Vi sinh thiếu khí phát triển sinh khối trên vật liệu Plastic có bề mặt riêng lớn. Nước thải sau khi qua bể Anoxic sẽ tự chảy sang bể sinh học hiếu Aerotank để tiếp tục được xử lý.

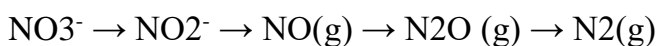
Khử nitrate, bước thứ hai theo sau quá trình nitrate hóa, là quá trình khử nitrate-nitrogen thành khí nitơ, nitrous oxide(N₂O) hoặc nitrite oxide (NO) được thực hiện trong môi trường thiếu khí (*anoxic*) và đòi hỏi một chất cho electron là

chất hữu cơ hoặc vô cơ.

Hai con đường khử nitrate có thể xảy ra trong hệ thống sinh học đó là :

+ Đồng hóa: Con đường đồng hóa liên quan đến khử nitrate thành ammonia sử dụng cho tổng hợp tế bào. Nó xảy ra khi ammonia không có sẵn, độc lập với sự ức chế của oxy.

+ Dị hóa (hay khử nitrate) : Khử nitrate bằng con đường dị hóa liên quan đến sự khử nitrate thành oxide nitrite, oxide nitrous và nitơ :

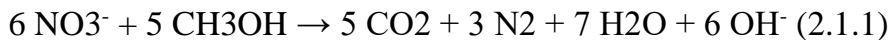


Một số loài vi khuẩn khử nitrate được biết như: *Bacillus*, *Pseudomonas*, *Methanomonas*, *Paracoccus*, *Spirillum*, và *Thiobacillus*, *Achromobacterium*, *Denitrobacillus*, *Micrococcus*, *Xanthomonas* (Painter 1970). Hầu hết vi khuẩn khử nitrate là dị dưỡng, nghĩa là chúng lấy carbon cho quá trình tổng hợp tế bào từ các hợp chất hữu cơ. Bên cạnh đó, vẫn có

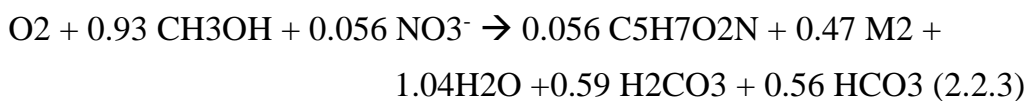
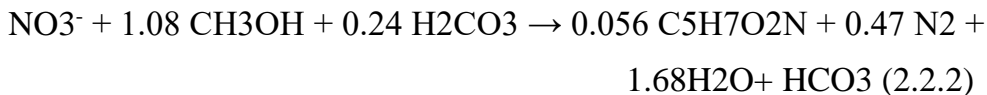
một số loài tự dưỡng, chúng nhận carbon cho tổng hợp tế bào từ các hợp chất vô cơ. Ví dụ loài *Thiobacillus denitrificans* oxy hóa nguyên tố S tạo năng lượng và nhận nguồn carbon tổng hợp tế bào từ CO, tan trong nước hay HCO₃⁻

Theo Phương trình sinh hóa của quá trình khử nitrate sinh học tùy thuộc vào nước thải chứa carbon và nguồn nitơ sử dụng.

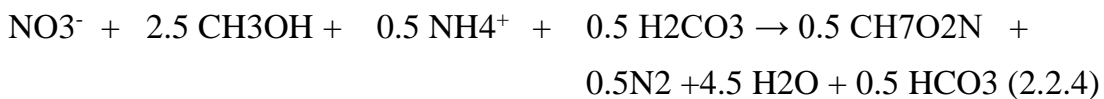
Phương trình năng lượng sử dụng methanol làm chất nhận electron :



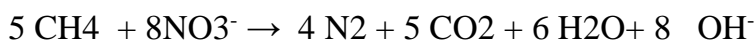
Toàn bộ phản ứng gồm cả tổng hợp sinh khối :



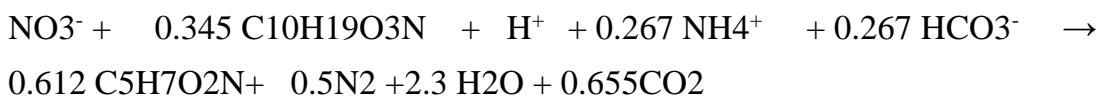
Phương trình năng lượng sử dụng methanol, ammonia-N làm chất nhận electron:



Phương trình năng lượng sử dụng methane làm chất nhận electron :



Toàn bộ phản ứng gồm cả tổng hợp sinh khối sử dụng nước thải làm nguồn carbon, ammonia-N, làm chất nhận electron :



Phương trình sinh hóa sử dụng methanol làm nguồn carbon chuyển nitrate thành khí nitơ có ý nghĩa trong thiết kế: Nhu cầu oxy bị khử 2.86 g/g nitrate bị khử. Độ kiềm sinh ra là 3.57 gCaCO₃/g nitrate bị khử nếu nitrate là nguồn nitơ cho tổng hợp tế bào. Còn nếu ammonia-N có sẵn, độ kiềm sinh ra thấp hơn từ 2.9-3g CaCO₃/g nitrate bị khử.

Bể xử lý sinh học hiếu khí bằng bùn hoạt tính lơ lửng là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vì phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải. Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng. Các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận ôxy và chuyển hoá chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiếu khí (nhờ O, sục vào), vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất.

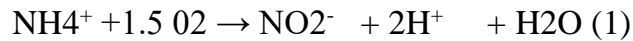
Nước sau khi ra khỏi công trình đơn vị này, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%. Nước thải sau khi oxy hóa các hợp chất hữu cơ và chuyển hóa Amoni thành Nitrate sẽ được tuần hoàn 50-100% về bể Anoxic để khử Nitơ.

Nước thải sau khi qua bể Aerotank sẽ mang theo một lượng bùn lơ lửng tiếp tục chảy qua bể lắng 2.

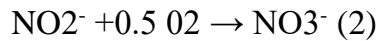
Quá trình nitrate hóa là quá trình oxy hóa hợp chất chứa nitơ, đầu tiên là ammonia được

chuyển thành nitrite sau đó nitrite được oxy hóa thành nitrate. Quá trình nitrate hóa diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 chủng loại vi sinh vật tự dưỡng *Nitrosomonas* và *Nitrobacter*

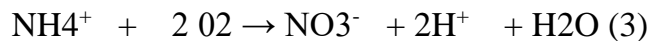
Bước 1: Ammonium được chuyển thành nitrite được thực hiện bởi loài *Nitrosomonas*:



Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loài *Nitrobacter*:

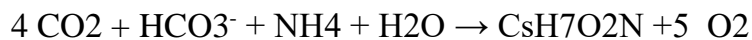


Phương trình phản ứng (1) và (2) tạo ra năng lượng. Theo Painter (1970), năng lượng tạo ra từ quá trình oxy hoá ammonia khoảng 66:84 kcal/mole ammonia và từ oxy hoá nitrite khoảng 17.5 kcal/mole nitrite. *Nitrosomonas* và *Nitrobacter* sử dụng năng lượng này cho sự sinh trưởng của tế bào và duy trì sự sống. Tổng hợp 2 phản ứng được viết lại như sau:

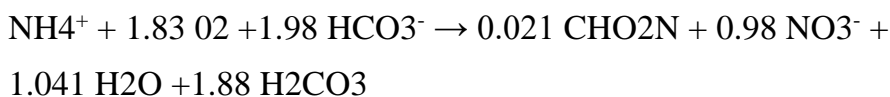


Từ phương trình (3), lượng O₂ tiêu thụ là 4.57 g/g NH₄⁺-N bị oxy hóa, trong đó 3.43g/g sử dụng cho tạo nitrite và 1.14g/g sử dụng cho tạo nitrate, 2 tương đương ion H⁺ tạo ra khi oxy hóa 1 mole ammonium, ion H⁺ trở lại phản ứng với 2 tương đương ion bicarbonate trong nước thải. Kết quả là 7.14 g độ kiềm CaCO₃ bị tiêu thụ NH₄⁺-N bị oxy hóa.

Phương trình (3) sẽ thay đổi chút ít khi quá trình tổng hợp sinh khối được xem xét đến, nhu cầu oxy sẽ ít hơn 4.57g do oxy còn nhận được từ sự cố định CO₂ một số ammonia và bicarbonate đi vào trong tế bào. Cùng với năng lượng đạt được, ion ammonium được tiêu thụ vào trong tế bào. Phản ứng tạo sinh khối được viết như sau :

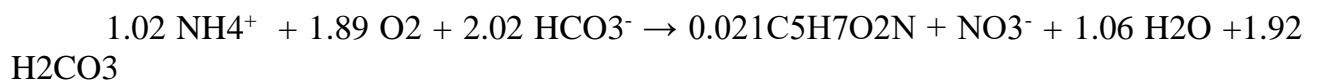


Theo U.S.EPA Nitrogen Control Manual (1975): toàn bộ phản ứng oxy hóa và tổng hợp sinh khối được viết như sau :



Nhu cầu O₂ là 4.2 g/g NH₄⁺-N bị oxy hóa.

Theo Gujer và Jenkins (1974) : toàn bộ phản ứng oxy hóa và tổng hợp sinh khối được viết như sau :



Nhu cầu O₂ giảm xuống còn 4.3 gO₂/g NH₄⁺ bị oxy hóa, độ kiềm tiêu thụ tăng lên 7.2 g/g NH₄⁺ bị oxy hóa.

Nhiệm vụ lắng các bông bùn vi sinh từ quá trình sinh học và tách các bông bùn này ra khỏi nước thải đồng thời tuần hoàn và bổ sung bùn hoạt tính về bể Sinh học Aerotank.

Nước thải từ bể sinh học hiếu khí Aerotank được dẫn vào ống phân phối trung tâm của bể lắng. Nước thải sau khi ra khỏi ống phân phối trung tâm được phân phối đều trên toàn bộ mặt diện tích ngang ở đáy ống phân phối trung tâm. Ống phân phối trung tâm được thiết kế sao cho nước khi ra khỏi ống và đi lên với vận tốc chậm nhất (trong trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ

lắng xuống đáy bể lắng. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ COD, BOD giảm 70-80% (hiệu quả lắng đạt 70- 80%). Bùn lắng ở đáy bể sẽ được tập trung bùn về tâm bể lắng và được bơm tuần hoàn về bể Aerotank. Định kỳ lượng bùn dư sẽ được dẫn về bể nén bùn.

Nước thải sau khi lắng các bông bùn sẽ chảy tràn qua máng thu nước và được dẫn qua bể khử trùng.

Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 10 _ 10 vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loài vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Khi cho Chlorine vào nước, dưới tác dụng của dòng chảy rối và Chlorine là có tính oxy hóa mạnh sẽ khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật và gây phản ứng với men bên trong của tế bào vi sinh vật làm phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,6, Kf=1,2.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, vận chuyển

- Bê tông hóa khuôn viên và đường nội bộ, thường xuyên phun nước tạo ẩm để hạn chế bụi phát tán,...

- Hướng dẫn lưu thông hợp lý, tránh ùn tắc giao thông làm gia tăng hàm lượng khí thải ảnh hưởng đến chất lượng không khí;

- Trồng cây xanh dọc đường vận chuyển nội bộ và xung quanh khuôn viên nhà máy để tạo cảnh quan và chắn bụi;

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc của phương tiện, sử dụng đúng nhiên liệu và vận chuyển đúng trọng tải theo đúng thiết kế của nhà sản xuất;

- Các xe lưu thông trong khu vực dự án cần giảm tốc độ để hạn chế bụi;

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển chạy bằng điện tránh phát sinh bụi.

- Bố trí cơ sở thông thoáng, trang bị quạt công nghiệp làm mát cục bộ, quạt thông gió trong dự án nhằm tăng cường khả năng phát tán khí thải ra môi trường. Lắp đặt hệ thống các quạt hút cưỡng bức và quạt công nghiệp tại khu vực đặt các máy ép cao su, nhựa để tăng cường lưu thông không khí, thông thoáng môi trường lao động, tránh tình trạng tích tụ khí gây sự cố cháy nổ

- Trang bị khẩu trang (loại lớp lọc than hoạt tính) và bảo hộ lao động cho công nhân, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

- Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải xâm nhập vào phổi tăng lên;

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải sinh hoạt

- Chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 3.500 kg/ngày, tương đương 1.277.500 kg/năm. Các chất thải sinh hoạt phát sinh được phân loại CTR tại nguồn gồm 02 loại: chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt thông thường còn lại.

Chất thải thực phẩm bao gồm rau, củ, quả, thịt, cá từ thức ăn dư thừa, cành cây nhỏ, lá cây,... chiếm khoảng 75% trong tổng lượng chất thải sinh hoạt phát sinh, ước tính khoảng 958.125 kg/ngày.

Chất thải chất thải thông thường còn lại bao gồm giấy, túi nilon, hộp, lon, chai nhựa,... chiếm khoảng 25% trong tổng lượng chất thải sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 319.375 kg/ngày.

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt sẽ được công nhân thu gom bằng 10 thùng rác dung tích 60 lít đặt dọc nhà xưởng và 02 thùng chứa rác, có nắp đậy với dung tích 240 lít được bố trí tại khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 02 m².

- Chất thải được phân loại và lưu trữ tại các bao nilon cột kín miệng trong thùng chứa có nắp đậy tại mỗi nguồn thải.

- Cuối mỗi ngày làm việc, nhân viên sẽ vệ sinh thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, sau đó vận chuyển về khu vực kho chứa rác thải sinh hoạt để đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

Cơ sở đã bố trí kho chứa rác sinh hoạt với diện tích 5m² quy cách xây dựng theo đúng quy định.

Cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Tam An (Hợp đồng số 032/2023/HĐ.RT ngày 03/01/2023) để thu gom, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/tuần. Cơ sở sẽ duy trì công tác thu gom để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 100 kg/tháng, thành phần chủ yếu là bao nylon thải, giấy carton,... Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom tại khu vực sản xuất, từ đây, các bao tải chứa chất thải được công nhân thu gom và vận chuyển xuống khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 10m², khu vực lưu chứa được xây dựng nền bê tông, có tường bao, mái che nắng mưa.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phước Thiên để thu gom, xử lý theo hợp đồng số 121023/PT-AL ngày 12/10/2023. Tần suất thu gom là 01 lần/năm, được thực hiện định kỳ hoặc theo yêu cầu của Cơ sở.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại hiện tại phát sinh khoảng 68 kg/năm, chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau, hộp mực in thải.

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

Cơ sở đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại riêng biệt theo đúng quy định với diện tích khoảng 3 m². Quy cách xây dựng kho chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kho chứa có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH và được dán nhãn phân loại.

Thu gom và phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa riêng biệt đối với từng loại, dung tích 120 lít/thùng và có nhãn dán, mã chất thải theo đúng quy định. Khu vực lưu chứa chất thải được bố trí tại khu vực đối diện khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt.

Khi phân loại rác thải sinh hoạt và chất thải rắn từ kho chứa rác, đơn vị vệ sinh phải quan tâm đến việc phân loại để phát hiện và nhận dạng đâu là chất thải nguy hại để có biện pháp quản lý, thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý thích hợp.

Nhân viên vệ sinh trong quá trình thu gom, lưu trữ, vận chuyển CTNH, phải sử dụng các dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa. Các dấu hiệu này được sử dụng để báo trước cho người làm việc với CTNH và cộng đồng chú ý tới mối nguy hiểm trực tiếp hay mối nguy hại có thể xảy ra từ CTNH, nhắc nhở phải thực hiện những yêu cầu an toàn khỏi tiếp cận với CTNH hoặc chỉ dẫn những thông tin cần thiết khác đã được quy định để phòng tránh các rủi ro tai nạn cho con người và môi trường.

- Quá trình lưu chứa CTNH tạm thời khu vực tại Cơ sở và vận chuyển đến nơi xử lý sẽ phải triệt để tuân thủ theo quy chế quản lý CTNH ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc để thu gom chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Bảng III. 1 Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Khối lượng (kg)	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	6	
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	60	
Tổng cộng				68	

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở sản xuất hoạt động đóng gói cá khô suất khẩu, trong quá trình hoạt động của cơ sở phát sinh ra tiếng ồn, độ rung không đáng kể. Tiếng ồn phát sinh chủ yếu tại Cơ sở chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất và từ lượng xe máy, xe tải ra vào Cơ sở thông thoáng nên ảnh hưởng do hoạt động giao thông vận tải của cơ sở có thể đánh

giá là không đáng kể, và trong khu vực cơ sở về cơ bản là đã được bê tông hóa nên bụi phát sinh trong quá trình hoạt động là rất ít.

Ngoài ra hằng ngày cơ sở tiến hành tưới mát đường nhằm giảm tải lượng do bụi xe tải vận chuyên hàng ra vào cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1 Ứng phó sự cố cháy nổ

Để hạn chế các rủi ro xảy ra, chủ dự án thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy định an toàn lao động và phòng chống cháy nổ, các biện pháp đó là:

- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt, có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- Về an toàn kỹ thuật điện: Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí thật an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.

Về phòng cháy, chữa cháy: Thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh xưởng; tính toán dự trữ nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa. Xây dựng bản nội quy phòng cháy chữa cháy và được phổ biến rộng rãi. Trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC. Chủ dự án phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho lao động.

- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nguyên vật liệu), công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...

- Tất cả các hạng mục, công trình trong Công ty đều được trang bị các bình cứu hỏa cầm tay, đặt ở những vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và phải thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình.

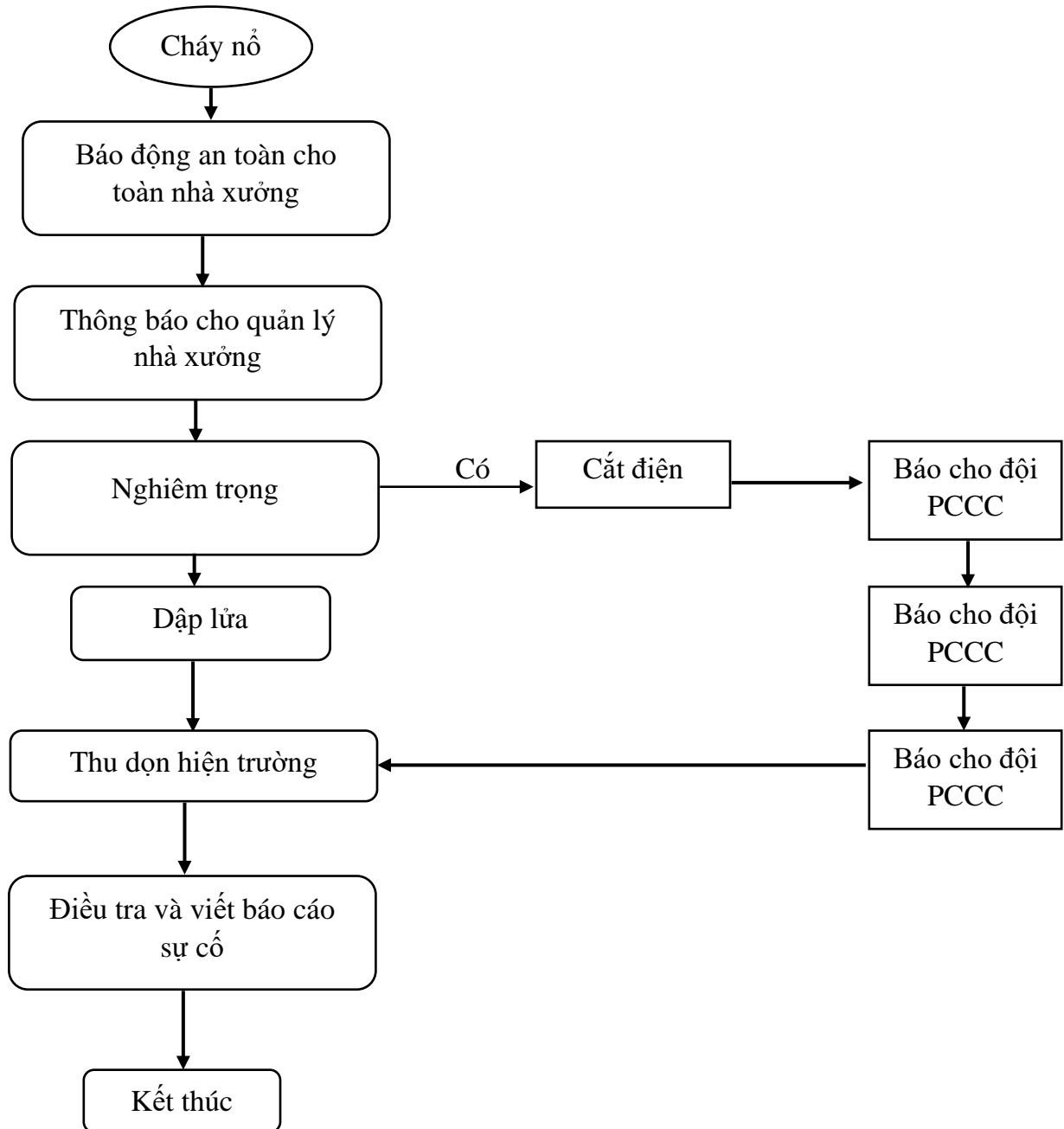
- Đặt các biển cấm lửa, cấm hút thuốc tại khu vực lưu lò hơi, khu vực bãi tập kết nguyên liệu (khu vực bãi chứa giấy thải).

- Huấn luyện đội ngũ công nhân nắm vững thao tác PCCC và có bảng hướng dẫn chung về từng phương án cụ thể cho toàn thể công nhân viên làm việc tại nhà máy.

- Các nội quy tóm tắt của nhà máy về công tác PCCC được dán tại xưởng sản xuất, tại

các vị trí có thể dễ dàng nhìn thấy. Khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên hay là khách hàng đều có thể biết và thông báo:

- Báo động qua hệ thống điện thoại
- Báo động qua keng, chuông báo báo động.
- Trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy
- **Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ:**



Hình 5: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

6.2 Kiểm soát các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.3 Kiểm soát sự cố hư hỏng bể tự hoại

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
 - Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
 - Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
 - Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ mang đi xử lý đúng quy định.

6.4 An toàn lao động

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
 - Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
 - Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
 - Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ mang đi xử lý đúng quy định.

6.5 An toàn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trong giai đoạn vận hành nhà xưởng, Công ty đã và sẽ áp dụng các biện pháp cụ thể như sau:

- Hướng dẫn vận hành các máy móc, thiết bị chi tiết cho công nhân vận hành, không cho người không có trách nhiệm lại khu vực máy đang hoạt động.
- Xây dựng các nội quy lao động và yêu cầu công nhân tuân thủ các biện pháp an toàn lao động.
- Tập huấn an toàn lao động cho quản lý và công nhân.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như bao tay, khẩu trang.
- Đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân được thông thoáng, môi trường không khí đảm bảo theo tiêu chuẩn của quyết định 3733:2002/QĐ-BYT.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại nhà xưởng theo đúng quy định.

6.6. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

6.6.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại nhà xưởng

* Đối với khu lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại riêng biệt, cách ly với các khu vực khác trong nhà xưởng.

+ Xây dựng kho lưu giữ có mái che, nền bê tông, tường chắn nhằm hạn chế khả năng nước mưa tạt vào kho cuốn theo các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

* Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại:

Chủ đầu tư đã hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

* Phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước được thiết kế tách biệt và cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước hiện hữu

* **Kiểm soát các sự cố liên quan đến HTXL nước thải**

* Kiểm soát sự cố rò rỉ hóa chất và an toàn tiếp xúc với hóa chất

Các loại hóa chất được vận chuyển đến HTXL nước thải bằng các phương tiện chuyên dụng do nhà cung cấp đưa đến.

dung môi Hóa chất được lưu trữ thích hợp trong nhà kho.

Tuân thủ nghiêm ngặt qui trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Tất cả công nhân vận hành HTXL nước thải tập trung đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất.

Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính, găng tay...

- Các dụng cụ sơ cấp cứu như dụng cụ rửa mắt chẳng hạn luôn được đặt tại vị trí tiếp xúc với hóa chất cao.

Kiểm soát sự cố hiệu suất xử lý không đạt của hệ thống xử lý nước thải

Nhằm kiểm soát tốt khả năng xử lý và đảm bảo không xảy ra sự cố trong quá trình vận hành HTXL nước thải, Công ty có các biện pháp được chia thành 03 nhóm chính:

Nhóm 1: Chương trình vận hành, bảo dưỡng HTXL nước thải;

Nhóm 2: Khắc phục các sự cố của HTXL nước thải;

Nhóm 3: Chương trình quan trắc quy trình vận hành HTXL nước thải;

(1) Chương trình vận hành, bảo dưỡng HTXL nước thải

Vận hành và bảo dưỡng đóng vai trò rất quan trọng để đảm bảo HTXL nước thải luôn hoạt động ổn định. Công ty áp dụng chương trình vận hành hệ thống với các nội dung chính như sau:

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế HTXL nước thải.

Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng tuần, hàng tháng nhằm đảm bảo HTXL nước thải vận hành hiệu quả.

Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng HTXL nước thải.

Thiết lập chương trình quan trắc thích hợp cho HTXL nước thải; Thực hiện tốt việc quan trắc nước thải.

(2) Khắc phục các sự cố của HTXL nước thải

Trong các trường hợp xảy ra sự cố, Công ty có các biện pháp ứng phó sau

Khi có sự cố mất điện, Công ty sẽ sử dụng nguồn điện từ các motor phát điện để duy trì hoạt động của HTXL nước thải.

Trong trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị, sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố;

Xây dựng chương trình ứng phó sự cố đối với các loại sự cố thường gặp HTXL nước thải;

(3) Chương trình quan trắc quy trình vận hành HTXL nước thải

Công ty đã thiết lập bộ phận chuyên trách theo dõi quá trình vận hành của HTXL nước thải, nếu có vấn đề về kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm tra sửa chữa để hệ thống vận hành liên tục và trong tình trạng hoạt động tốt.

6.6.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại nhà xưởng

Từ khi hoạt động đến nay nhà xưởng chưa xảy ra sự cố về môi trường.

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Nhà xưởng không sử dụng và sản xuất chất ô nhiễm khó phân hủy.

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất (từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ).

1.2 Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả nước thải tối đa là 10 m³/ngày.đêm.

1.3 Dòng nước thải: 01 dòng nước thải.

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn và nước thải sản xuất được dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý sẽ được dẫn vào hệ thống mương bê tông cốt thép, kết nối vào kênh thoát nước hiện hữu, thoát vào nguồn tiếp nhận suối Nước Trong và cuối cùng chảy ra sông Đồng Nai.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng nước thải: Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số Kq=0,6, Kf= 1,2, Cụ thể được trình bày trong bảng sau:

Bảng IV. 1 Các chất ô nhiễm trong nước thải và giá trị giới hạn của nước thải

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	06 tháng/lần
2	BOD5 (20 °C)	mg/L	43,2	
3	COD	mg/L	108	
4	TSS	mg/L	72	
5	Tổng Nitơ	mg/L	28,8	
6	Tổng photpho	mg/L	5,76	
7	Coliform	MPN/100mL	3.000	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long).

Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

Vị trí xả nước thải: Ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): $X(m) = 10.804187$, $Y(m) = 106.981104$.

- Phương thức xả nước thải: Bơm ra nguồn tiếp nhận, chế độ xả nước thải liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn vào hệ thống mương bê tông cốt thép B600, kết nối vào kênh thoát nước hiện hữu, thoát vào nguồn tiếp nhận suối Nước Trong và cuối cùng chảy ra sông Đồng Nai.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1 Vị trí xả khí thải

Nguồn khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2.2 Lưu lượng xả khí tối đa

Lưu lượng xả khí thải tối đa của máy phát điện dự phòng $\leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (do khí thải phát tán tự nhiên ra môi trường nên áp dụng hệ số K_p thấp nhất, tương đương với lưu lượng xả thải $\leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3 Dòng khí thải

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng $\leq 20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí số 01, 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{hệ thống}$.

2.4.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục 24/24.

2.4.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_v=1,0$, $K_p=1$, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=1$, $K_v=1,2$)
1	Bụi	mg/l	240
2	SO ₂	mg/l	600
3	NO _x	mg/l	1.020
4	CO	mg/l	1.200

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: 01 nguồn từ khu vực đặt dây chuyền sản xuất.

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất của Cơ sở.

Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X(m) = 10.804187, Y(m) = 106.981104.

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

5.1 Khối lượng chủng loại chất thải phát sinh

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Khối lượng (kg)	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	6	
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	60	
Tổng cộng				68	

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường	1.200
Tổng khối lượng		1.200

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	21.900
Tổng khối lượng		21.900

5.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, công nghệ, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong 7 thùng nhựa HDPE, có dán nhãn phân loại, có nắp đậy với dung tích 120 lít.

- Kho lưu chứa: 3 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao kiên cố và mái che, cửa khóa kín, gờ chống tràn, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH và được dán nhãn phân loại.

b. Thiết bị, công nghệ, công trình lưu giữ chất thải thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải được chứa trong các bao tải, sau đó bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Kho lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa được dán nhãn phân biệt, có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt.

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn được chứa trong 2 thùng nhựa HDPE, có dán nhãn phân loại rác thực phẩm và rác thải sinh hoạt thông thường khác, có nắp đậy dung tích 240 lít và 10 thùng rác nhỏ khác với dung tích 60 lít.

- Kho lưu chứa: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa được dán nhãn phân biệt, có tường bao và mái che, tường chắn, khô ráo.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Vị trí thực hiện lấy mẫu quan trắc: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

- Thời gian quan trắc: ngày 29/5/2022 và 21/11/2022.

- Kết quả quan trắc định kỳ năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2022 của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng V. 1 Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=1,2, Kf= 1,2
			29/5/2022	18/11/2022	
1	pH	-	7,06	7,24	6 - 9
2	BOD5(20°C)	mg/L	3,1	6,19	43,2
3	COD	mg/L	<6,0	14,0	108
4	TSS	mg/L	KPH (LOD=3.0)	KPH (LOD=2.0)	72
5	Tổng Nito	mg/L	8,82	6,02	28,8
6	Tổng Photpho	mg/L	0,46	KPH (LOD=0,1)	5,76
7	Coliform	MPN/100mL	430	4300	3.000

Nhận xét: Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải 6 tháng đầu năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2022 cho thấy, các chỉ tiêu để đánh giá chất lượng môi trường nước thải tại cơ sở nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với hệ số Kq=1,2, Kf= 1,2.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, từ tháng
- Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm.
- Vị trí lấy mẫu: Sau hệ thống xử lý nước thải.
- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Ghi chú
1	pH	-	6 - 9	
2	BOD5(20°C)	mg/L	43,2	
3	COD	mg/L	108	
4	TSS	mg/L	72	
5	Tổng Nito	mg/L	28,8	
6	Tổng Photpho	mg/L	5,76	
7	Coliform	MPN/100mL	3.000	

- Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý nước thải là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

Tổ chức thực hiện lấy và phân tích mẫu:

Cơ sở sẽ lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Tổ chức dự kiến như sau:

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1 Quan trắc chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD5, COD, Tổng Nito, Tổng Photpho, Coliform
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $Kq=0,6$, $Kf= 1,2$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

2.1.2 Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.1.3. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Về chất thải, Công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Vì vậy, Cơ sở không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện chương trình quan trắc môi trường hằng năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng VI. 1 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
1	Quan trắc nước thải	Triệu đồng/năm	12
2	Giám sát CTR sinh hoạt và CTR thông thường	Triệu đồng/năm	3
3	Giám sát chất thải nguy hại	Triệu đồng/năm	3
Tổng cộng		Triệu đồng	18

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động từ tháng 05 năm 2021 đến nay, Cơ sở Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long không có trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường hay có quy định, kết luận kiểm tra, thanh tra về môi trường. Cơ sở luôn tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ các chương trình quan trắc giám sát môi trường và báo cáo đầy đủ về Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai với đầy đủ thông số theo quy định.

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Anh Long, cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải.
- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.
- Chủ đầu tư dự án sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.
- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do vận hành Nhà máy.
- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.